

- C. T ếng quan âm hoàn toàn v i danh m c th tr ếng
- D. T t c ụ sai

Câu 10: Ch n câu sai trong phát bi u sau: “Danh m c ụ t th tr ếng là m t danh m c ụ t mà ...”

- A. T t c các tài s n có nguy c r i ro trên th tr ếng
- B. Trong ó tài s n có nguy c r i ro th ếng ng m nh là các c phi u
- C. M i tài s n có trong danh m c này chỉ m m t t l úng b ng giá th tr ếng c a tài s n ó trong t ếng danh m c giá tr c a toàn b th tr ếng
- D. M i tài s n có trong danh m c này chỉ m m t t l úng b ng giá s sách c a tài s n ó trong t ếng danh m c giá tr c a toàn b th tr iếng

Câu 11: Nh ếng danh m c ụ t hi u qu là nh ếng danh m c

- A. Mang l i m t TSSL cao nh t cho cùng m t m c r i ro
- B. Mang l i r i ro là th p nh t cho cùng m t TSSL
- C. C 2 ụ úng
- D. C 2 ụ sai

Câu 12: Trong mô hình CAPM, nhà ụ t là nh ếng ng i

- A. Thích m o hi m
- B. Ng i r i ro
- C. i vay và cho vay lãi su t phi r i ro
- D. C B và C ụ úng

D li u sau áp d ếng cho các câu t 13 n 15

Ông X ang xem xét ụ t vào c phi u REE, khi liên h v i công ty ch ếng khoán ông ta c bi t TSSL th tr iếng là 15% và TSSL phi r i ro là 8%. Ngoài ra công ty ch ếng khoán còn cho bi t thêm Beta c a c phi u REE là 0,25. Nh ếng v n là ng i th n tr iếng và không tin t ếng l m vào thông tin c cung c p nên ông X t i u ch nh beta lên 1,0 thay vì 0,25

Câu 13: TSSL mong i c a c phi u REE d a trên thông tin ông X có c t công ty ch ếng khoán

- A. 9,75%
- B. 10%
- C. 8,25%
- D. M t áp án khác

Câu 14: TSSL mong i c a c phi u REE d a trên thông tin ông X có c theo suy ngh c a ông

- A. 15%
- B. 10%
- C. 8,25%
- D. 9,75%

Câu 15: TSSL mong i c a c phi u REE n u ông X i u ch nh thêm TSSL phi r i ro xu ếng còn 4%

- A. 15%
- B. 10%
- C. 8,25%
- D. 14,5%

Câu 16: S khác bi t áng k gi a mô hình CAPM và APT là mô hình CAPM ...

- A. cho r ếng r i ro th tr iếng có t m quan tr iếng ít h n
- B. th a nh n nh ếng nhâ t r i ro phi h th iếng
- C. ch th a nh n m t nhâ t r i ro h th iếng
- D. th a nh n nh ếng nhâ t r i ro h th iếng

Câu 17: “Danh m c ụ t th tr iếng là m t danh m c ụ t mà...”

- A. M i tài s n có trong danh m c này chỉ m m t t l úng b ng giá th tr iếng c a tài s n ó trong t ếng danh m c giá tr c a toàn b th tr iếng
- B. M i tài s n có trong danh m c này chỉ m m t t l úng b ng giá s sách c a tài s n ó trong t ếng danh m c giá tr c a toàn b th tr iếng
- C. M i tài s n có trong danh m c này chỉ m m t t l úng b ng giá kh i i m c a tài s n ó trong t ếng danh m c giá tr c a toàn b th tr iếng
- D. M i tài s n có trong danh m c này chỉ m m t t l úng b ng m nh giá c a tài s n ó trong t ếng danh m c giá tr c a toàn b th tr iếng

Câu 18: N u nhà ụ t không thích r i ro, anh ta s cho vay m t ph n danh m c m c lãi su t r f b ếng cách mua m t s ch ếng khoán phi r i ro và ụ t ph n còn l i vào âu?

- A. danh m c tài s n phi r i ro
- B. danh m c th tr iếng các tài s n r i ro
- C. trái phi u chính ph
- D. T t c ụ sai

Câu 19: Gi s lãi su t phi r i ro là 4%, TSSL th tr iếng là 12%, beta c phi u X là 2 thì TSSL mong i c a X là

- A. 20%
- B. 15%
- C. 10%
- D. T t c ụ sai

Câu 20: M t khi b n ã lo i b h tr i ro không h th iếng thì

- A. không còn r i ro
- B. còn l i r i ro h th iếng
- C. không th lo i tr r i ro không h th iếng
- D. T t c ụ sai

- Câu 21:** Phát biểu nào không đúng về thị trường vốn CML
- A. Có tồn tại rổ trên thị trường hoàn hảo
 - B. Chỉ có các danh mục hiệu quả trên thị trường này
 - C. Theo mô hình CAPM, chỉ các chứng khoán có hệ số beta bằng 1 nằm trên thị trường này
 - D. Dữ liệu của thị trường này thì hiếm khi bù đắp cho những rủi ro mà nhà đầu tư phải gánh chịu
- Câu 22:** Điều nào sau đây không liên quan đến mô hình CAPM?
- A. Các nhà đầu tư nắm giữ danh mục chứng khoán đã được đa dạng hóa hoàn toàn
 - B. Thị trường vốn cân bằng
 - C. Tất cả các nhà đầu tư có cùng kỳ vọng thu nhập liên quan đến TSSL kỳ vọng, phân phối sai và hệ số phân phối sai
 - D. Tất cả các nhà đầu tư có lợi ích đầu tư là đầu tư vào chứng khoán phi rủi ro
- Câu 23:** “Nhân tố” trong APT là một biến số
- A. Tác động của TSSL của tài sản rủi ro theo phương thức hệ thống
 - B. Tác động của TSSL của tài sản rủi ro theo phương thức không hệ thống
 - C. Hoàn toàn ngẫu nhiên
 - D. Tác động của TSSL của tài sản rủi ro một cách ngẫu nhiên
- Câu 24:** Khi chúng ta kết hợp tài sản phi rủi ro với một tài sản rủi ro bất kỳ trên thị trường biên hiệu quả Markowitz, chúng ta sẽ có một tập hợp các khoản đầu tư danh mục nằm trên một thị trường hiệu quả. Thị trường nào là thị trường chi mô tả?
- A. Thị trường chi mô tả là thị trường tập xúc vận động biên hiệu quả Markowitz – còn gọi là thị trường vốn CML
 - B. Thị trường chi mô tả là thị trường tập xúc vận động biên hiệu quả Markowitz – còn gọi là thị trường chứng khoán SML
 - C. Cả 2 đều đúng
 - D. Cả 2 đều sai
- Câu 25:** Một phiếu cổ phiếu giá thị trường, vị trí so với đường SML là
- A. Nằm phía trên đường SML
 - B. Nằm ngay trên đường SML
 - C. Nằm phía dưới đường SML
 - D. Nằm trên trục tung
- Câu 26:** Người đầu tiên đề xuất mô hình cho lý thuyết đầu tư hiện đại vào năm 1952 là
- A. Henry Markowitz
 - B. William Sharpe
 - C. John Linntner
 - D. Jan Mossin
- Câu 27:** Tại sao một mô hình APT không thích hợp để vận dụng TSSL thu nhập, nhưng nó là một mô hình thích hợp để vận dụng TSSL mong đợi của một nhà đầu tư?
- A. Vì APT là mô hình khó
 - B. Vì APT là mô hình có tính linh hoạt
 - C. Vì APT là lý thuyết ngẫu nhiên
 - D. Tất cả đều sai
- Câu 28:** Giá cổ phiếu của công ty X có hệ số $\beta = 3$. Lãi suất tín phiếu kho bạc là 7%, mức bù rủi ro thị trường chứng khoán hiện tại là 8%. Lãi suất thực phiếu công ty X gần đây là 30%. Theo mô hình định giá tài sản vốn CAPM thì thị trường đánh giá cổ phiếu này như thế nào?
- A. Thấp hơn giá trị
 - B. Cao hơn giá trị
 - C. Đúng bằng giá trị
 - D. Tất cả đều sai
- Câu 29:** Thị trường chứng khoán SML
- A. Có rủi ro hệ thống nằm trên trục hoành
 - B. Có rủi ro phi hệ thống nằm trên trục hoành
 - C. Có tồn tại rổ trên trục hoành
 - D. Chưa mối quan hệ giữa rủi ro và lãi suất cho những danh mục đầu tư trạng thái cân bằng
- Câu 30:** Nếu tất cả các nhà đầu tư trên thị trường đều có cùng thông tin về nhau thì ...
- A. APT rất hữu ích cho các nhà đầu tư trên thị trường
 - B. APT giúp nhà đầu tư trên thị trường đánh giá bất kỳ thị trường
 - C. APT sẽ không có giá trị
 - D. APT sẽ có giá trị rất cao
- Câu 31:** Nhận định về mô hình CAPM là
- A. Quá đơn giản và quá nhiều giả định không thực tế
 - B. Không đúng trong thực tế
 - C. Không phù hợp với lý thuyết xây dựng
 - D. Ngoài beta, các biến số khác đều có giá trị gì đó thích

Câu 32: Danh mục đầu tư thị trường là một danh mục đầu tư mà

- A. Tất cả các tài sản có nguy cơ rủi ro trên thị trường
- B. Trong đó tài sản có nguy cơ rủi ro thường không phải là các cổ phiếu
- C. Mọi tài sản có trong danh mục này chỉ có một tỷ lệ ứng bằng giá trị thị trường của tài sản đó trong tổng danh mục giá trị của toàn bộ thị trường
- D. Tất cả đều đúng

Câu 33: Trong mô hình nghiên cứu CAPM, giả thuyết nào là sai về thị trường vốn

- A. Là thị trường cạnh tranh hoàn hảo. Giá cả trên thị trường chỉ chịu ảnh hưởng bởi quan hệ cung cầu
- B. Không tồn tại các loại phí giao dịch trên thị trường
- C. Luôn tồn tại các phí giao dịch trên thị trường vì thị trường sẽ không tồn tại nếu không có chi phí
- D. Tồn tại loại chi phí khoán không có rủi ro mà nhà đầu tư có thể đầu tư hoặc vay với lãi suất bằng lãi suất không rủi ro

Câu 34: Tại sao hộ gia đình nhà đầu tư ưa dùng hóa danh mục đầu tư

- A. Bởi vì họ không sợ rủi ro
- B. Bởi vì họ mong muốn đa dạng hóa TSSL để giảm thiểu rủi ro cá nhân và giảm chi phí
- C. Bởi vì họ muốn không có rủi ro nào xảy ra trong quá trình đầu tư của mình
- D. Tất cả đều sai

Câu 35: Tại sao trong lý thuyết thị trường vốn gọi là "Tất cả các nhà đầu tư đều có mong đợi thu nhập" có thể bỏ qua

- A. Vì lúc đó các khác biệt trong các giá trị mong đợi sẽ không lớn nên các nhà đầu tư sẽ không đáng kể
- B. Vì họ có ý tưởng gì nhau
- C. Vì họ hiểu nhau
- D. Tất cả đều đúng

Dựa vào sau áp dụng cho các câu từ 36 đến 39

Giả sử VN lãi suất phi rủi ro là 5% và mô hình CAPM là đúng. Cổ phiếu Doanh nghiệp DF có beta bằng 1,3 và TSSL mong đợi là 18%

Câu 36: Phần bù rủi ro thị trường là

- A. 10%
- B. 8,5%
- C. 18%
- D. Tất cả đều sai

Câu 37: Nếu bạn quan tâm đến cổ phiếu VG có beta bằng 0,75 thì TSSL mong đợi của cổ phiếu này là bao nhiêu?

- A. 12,5%
- B. 10%
- C. 9%
- D. Một đáp án khác

Câu 38: Nếu bạn đầu tư 100 triệu đồng vào danh mục gồm 2 CP trên và beta của danh mục là 1 thì bạn đầu tư bao nhiêu vào mỗi CP?

- A. Đầu tư 54,55 triệu đồng vào cổ phiếu VG; 45,45 triệu đồng vào cổ phiếu DF
- B. Đầu tư 50 triệu đồng vào cổ phiếu VG; 50 triệu đồng vào cổ phiếu DF
- C. Đầu tư 40 triệu đồng vào cổ phiếu VG; 60 triệu đồng vào cổ phiếu DF
- D. Tất cả đều sai

Câu 39: Nếu bạn đầu tư 100 triệu đồng vào danh mục gồm 2 CP trên và beta của danh mục là 1,0. Tính TSSL mong đợi của danh mục

- A. 15%
- B. 10%
- C. 9%
- D. 11,5%

Câu 40: Bằng cách gì nhà TSSL có thể phân phối chuẩn, Markowitz đã bỏ qua rủi ro thông qua chỉ tiêu nào

- A. Beta
- B. Phân phối sai
- C. Phân phối chuẩn
- D. B và C đều đúng

Câu 41: Chỉ tiêu nào không ảnh hưởng đến TSSL của tài sản phi rủi ro dựa trên chỉ tiêu nào?

- A. Phân phối sai
- B. Phân phối chuẩn
- C. Beta
- D. C và B đều đúng

Câu 42: Trong mô hình CAPM, TSSL mong đợi của xác định bằng

- A. TSSL rủi ro cộng với TSSL phi rủi ro
- B. TSSL phi rủi ro cộng với phần bù rủi ro thị trường
- C. TSSL phi rủi ro cộng với rủi ro toàn bộ thị trường
- D. Tất cả đều sai

Câu 43: Sau sự phát triển của lý thuyết danh mục Markowitz, lý thuyết quản trị nào đã có ảnh hưởng nhất đến mô hình định giá cho các tài sản rủi ro

- A. Mô hình APT B. Mô hình CAPM C. **C 2 u úng** D. C 2 u sai

Câu 44: Liên quan đến lý thuyết thị trường vốn, giả định nào sau đây là không đúng?

- A. Nhà đầu tư mong muốn đa dạng hóa TSSL để giảm thiểu rủi ro cá nhân vì mục tiêu lợi nhuận cho phép
B. Các nhà đầu tư có thể vay và cho vay mức lãi suất thị trường
 C. Nhà đầu tư luôn chấp nhận rủi ro
 D. Không có thuế và chi phí giao dịch

Câu 45: Trong lý thuyết thị trường vốn, hệ số phản ứng sai lệch của tài sản phi rủi ro và biến động của tài sản rủi ro hay danh mục tài sản bằng

- A. 1 B. 0 C. R_f D. R_M

Câu 46: Công thức tính chi phí vốn là gì?

- A. Mô hình quan hệ giữa TSSL của một chứng khoán và rủi ro của chứng khoán đó
B. Mô hình quan hệ giữa TSSL của một chứng khoán cá biệt và TSSL của danh mục thị trường
 C. Mô hình quan hệ giữa TSSL của một chứng khoán cá biệt và TSSL phi rủi ro
 D. Tất cả đều sai

Dữ liệu sau áp dụng cho các câu từ 47 đến 51

Chứng khoán A có TSSL dự kiến là 20%, hệ số beta của A là 1,6. TSSL phi rủi ro là 8%. Một danh mục đầu tư 25% vào chứng khoán A và số còn lại đầu tư vào chứng khoán phi rủi ro

Câu 47: TSSL dự kiến của danh mục là

- A. 9% B. 10% C. **11%** D. 12%

Câu 48: Hệ số beta của danh mục là

- A. 0,2 B. 0,3 C. 0,1 D. **0,4**

Câu 49: Mức bù rủi ro của chứng khoán A là

- A. **12%** B. 10% C. 11% D. 14%

Câu 50: Mức bù rủi ro cho mức phi rủi ro của chứng khoán A là

- A. 6,25% B. **7,5%** C. 7,2% D. 8,1%

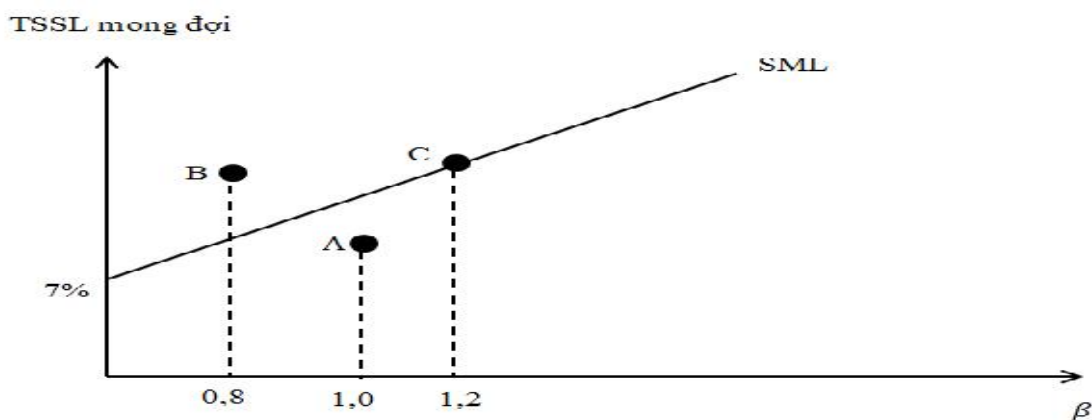
Câu 51: Nếu nhà đầu tư có 100 triệu và ngày nay họ vay thêm 50 triệu và đầu tư vào chứng khoán. Tính TSSL dự kiến và hệ số beta của danh mục

- A. **26% - 2,4** B. 26% - 3,4 C. 24% - 2,4 D. 25% - 3,4

Câu 52: Ngoài Beta thì các biến số nào còn có giá trị thích hợp để đánh giá TSSL?

- A. Tỷ lệ P/E B. Dòng tiền tài chính
 C. Giá trị sổ sách so với giá trị thị trường D. **Tất cả đều đúng**

Dữ liệu sau áp dụng cho các câu từ 53 đến 55



Câu 53: Trên hình, nhà đầu tư nên mua loại chứng khoán nào dựa vào ý nghĩa của chứng khoán SML

- A. Chứng khoán A B. **Chứng khoán B**
 C. Chứng khoán C D. **Mua cả 3 chứng khoán**

Câu 54: Trên hình, nhà đầu tư nên bán loại chứng khoán nào dựa vào ý nghĩa của đường thẳng chứng khoán SML

- A. Chứng khoán A
- B. Chứng khoán B
- C. Chứng khoán C
- D. Bán cả 3 chứng khoán

Câu 55: Trên hình loại chứng khoán nào có mức giá hợp lý dựa vào ý nghĩa của đường thẳng chứng khoán SML

- A. Chứng khoán A
- B. Chứng khoán B
- C. Chứng khoán C
- D. Không có chứng khoán nào

Câu 56: Đường thẳng chứng khoán CML

A. Phản ánh quan hệ giữa rủi ro và TSSLC của danh mục đầu tư gồm tài sản phi rủi ro và danh mục tài sản rủi ro

- B. Phản ánh mối quan hệ giữa TSSLC của chứng khoán và beta của chứng khoán đó
- C. Phản ánh mối quan hệ giữa TSSLC của danh mục đầu tư và TSSL phi rủi ro
- D. Phản ánh mối quan hệ giữa TSSLC của danh mục đầu tư và phần bù rủi ro thị trường

Câu 57: CAPM là mô hình lý thuyết vĩ mô, sáng tạo và ứng dụng trong thực tiễn. Tuy nhiên, nhiều giám đốc tài chính tin rằng chúng chỉ là những “beta cheat”. Tại sao?

- A. Bởi vì beta chỉ phản ánh rủi ro của chứng khoán
- B. Bởi vì beta đáng nhẽ không gì thích các TSSL trung bình. Những nhân tố khác nhau giá trị sách trên giá trị thị trường đáng nhẽ dùng gì thích sách khác nhau về TSSL trung bình
- C. Chưa đúng
- D. Chưa sai

Câu 58: Giá chứng khoán đôi khi vào một thời điểm nào đó thay đổi theo thông tin công bố, trong khi nó vào những thời điểm khác lại không biến đổi vì thông tin công bố bao gồm 2 thành phần: thông tin ... và thông tin ...

- A. Chưa công bố; hệ thống
- B. Chưa công bố; không công bố
- C. Beta; sai số
- D. Chưa công bố; không công bố

Câu 59: Một danh mục đầu tư gồm 10 chứng khoán riêng nhau, 5 chứng khoán có beta là 1,5; còn lại có beta là 1,2. Hệ số beta của danh mục là bao nhiêu?

- A. 1,3
- B. 1,35
- C. 1,5
- D. Một đáp án khác

Câu 60: Giá suất phi rủi ro là 4%, TSSL thị trường là 12%, TSSL của phiếu X là 16%. Tính beta của phiếu X?

- A. 1,5
- B. 1,4
- C. 1,2
- D. 1,0

Câu 61: Nhân tố chủ yếu lý thuyết danh mục Markowitz phát triển thành thị trường chứng khoán là

- A. Ý tưởng về beta
- B. Lịch sử
- C. Ý tưởng về mô hình tài sản phi rủi ro
- D. Tất cả đều sai

Câu 62: TSSL của tài sản phi rủi ro bằng

- A. TSSL mong đợi của thị trường
- B. Tỷ lệ tăng trưởng dài hạn mong đợi của nền kinh tế vĩ mô nếu tính thành khoản nợ
- C. Chưa đúng
- D. Chưa sai

Câu 63: Quan hệ giữa lý thuyết thị trường chứng khoán và mô hình định giá tài sản chứng khoán CAPM là

- A. Mô hình CAPM chỉ là một trường hợp đặc biệt của lý thuyết thị trường chứng khoán
- B. Lý thuyết thị trường chứng khoán là một trường hợp đặc biệt của mô hình CAPM
- C. Chưa đúng
- D. Chưa sai

Câu 64: Trong vấn đề lựa chọn giữa hai tài sản có cùng TSSL, nhà đầu tư

- A. Chọn tài sản có mức rủi ro thấp hơn
- B. Chọn tài sản có mức rủi ro cao hơn
- C. Chọn tài sản nào cũng như nhau vì cùng TSSL
- D. Tất cả đều đúng

Câu 65: Trong mô hình nghiên cứu CAPM, giả thuyết nào là sai về thị trường chứng khoán

- A. Là thị trường cạnh tranh hoàn hảo. Giá chứng khoán chỉ chịu ảnh hưởng bởi quan hệ cung cầu
- B. Không tồn tại các loại phí giao dịch trên thị trường
- C. Tồn tại loại chứng khoán không có rủi ro mà nhà đầu tư có thể đầu tư hoặc vay với lãi suất bằng lãi suất không rủi ro

D. T n t i l o i ch ng khoán không có r i r o mà nhà u t có th u t nh ng vay v i lãi su t cao h n lãi su t không r i r o ó

Câu 66: T t c các nhà u t u mu n u t vào danh m c r i r o i m t i p xúc gi a ng biên hi u qu Markowitz và CML, danh m c này g i là

- A. Danh m c th tr ng
- B. Danh m c ch ng khoán r i r o
- C. Danh m c ch ng khoán phi r i r o
- D. T t c u sai

Câu 67: l ch chu n là ch tiêu

- A. Ph n ánh r i r o
- B. o l ng s không ch c ch n c a TSSL
- C. o l ng m c hi u qu c a ho t ng u t
- D. T t c u sai

Câu 68: Tr ng i c a mô hình CAPM là

- A. B qua TSSL c a danh m c th tr ng
- B. òi h i p h i có m t th c o chu n i v i r i r o h th ng
- C. B qua lãi su t r i r o
- D. S đ ng quá nhi u nhân t

Câu 69: Nh ng danh m c u t hi u qu là nh ng danh m c

- A. Mang l i r i r o là cao nh t cho cùng m t TSSL
- B. Mang l i r i r o là th p nh t cho cùng m t TSSL
- C. C 2 u úng
- D. C 2 u sai

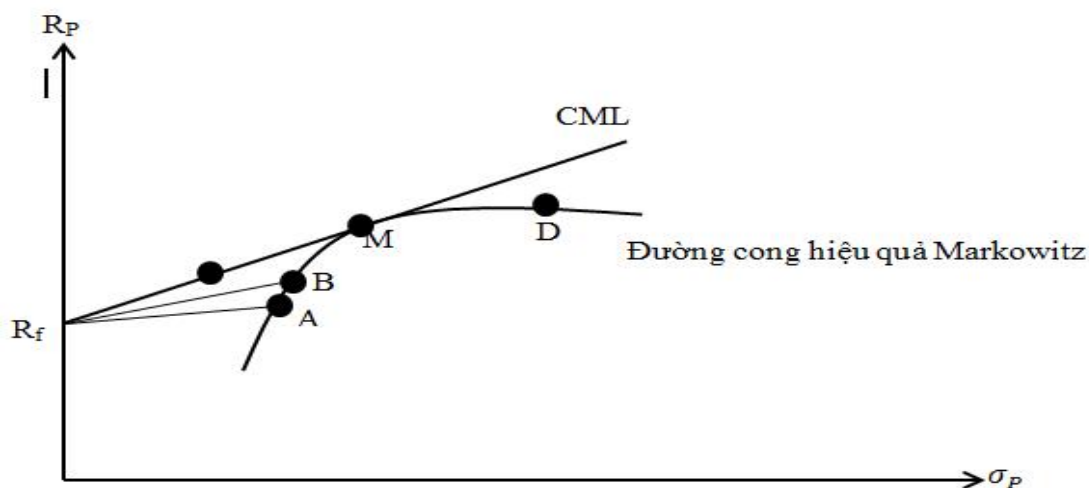
Câu 70: Trong nh ng câu đ i ây, b n có th gi m thi u r i r o n m c th p nh t b ng cách u t vào 2 ch ng khoán?

- A. Hai ch ng khoán có t ng quan xác nh hoàn toàn
- B. Không có t ng quan
- C. Có t ng quan ph nh
- D. Có t ng quan ph nh hoàn toàn

Câu 71: S khác bi t ch y u c a mô hình nhân t và mô hình th tr ng

- A. Mô hình nhân t có tính n r i r o h th ng trong khi ó mô hình th tr ng thì không
- B. Mô hình nhân t có tính n r i r o phi h th ng trong khi ó mô hình th tr ng thì không
- C. Mô hình nhân t có th bao g m m t s y u t thu c r i r o h th ng trong khi ó mô hình th tr ng ch bao g m l y u t
- D. C A và B u úng

D li u sau áp d ng cho các câu t 72 n 74



Câu 72: Trong hình trên, o n th ng MR_f c a ng th tr ng v n (CML) khô ng th hi n

- A. Danh m c u t g m ch ng khoán phi r i r o và danh m c th tr ng M
- B. M t ph n cho vay, ph n còn l i u t vào danh m c th tr ng M
- C. Ph n cho vay v i lãi su t phi r i r o
- D. Ph n cho vay v i lãi su t phi r i r o + R_f

Câu 73: Trong hình trên, o n th ng i di n v i $R_f M$ (phía bên ph i c a i m M, xa g c t a h n) c a ng th tr ng v n CML không th hi n

- A. Danh m c u t g m ch ng khoán phi r i ro và danh m c th tr ng M
- B. u t 100% vào danh m c th tr ng M
- C. i vay v i lãi su t phi r i ro u t vào danh m c th tr ng M
- D. Lãi su t phi r i ro là R_f

Câu 74: Phát bi u nào là sai v d c c a ng th tr ng v n CML

- A. Có t s th hi n ph n v t tr i c a l i s u t c tính thu c t vì c u t vào ch ng khoán r i ro s o v i m c l i s u t t v i c u t vào ch ng khoán phi r i ro. Có m u s th hi n m c r i ro c a danh m c u t th tr ng
- B. Th hi n m c bù p thu nh p cho m i n v r i ro mà nhà u t ph i g á n h c h u
- C. Có r i ro h th ng n m trên tr c hoành
- D. Có t ng r i ro n m trên tr c hoành

Câu 75: Cách th c mà nhà u t t n m t i m trên CML ph thu c vào

- A. các quy t nh u t c a h
- B. các quy t nh tài tr c a h
- C. các quy t nh phân ph i c a h
- D. T t c u ú ng

Câu 76: S gi ng nhau gi a ng SML và CML

- A. u là ng th ng trình bày m t s cân b ng gi a TSSL mong i và r i ro
- B. u c t tr c TSSL mong i t i lãi su t phi r i ro
- C. C 2 u ú ng
- D. C 2 u sai

Câu 77: T t c các nhà u t u mu n u t vào danh m c r i ro i m t i p x ú c gi a ng biên hi u qu Markowitz và CML, danh m c này g i là

- A. Danh m c Markowitz
- B. Danh m c ch ng khoán r i ro
- C. Danh m c ch ng khoán phi r i ro
- D. T t c u sai

Câu 78: Danh m c u t hi u qu là danh m c có

- A. TSSL mong i cao nh t v i r i ro cho s n
- B. R i ro cao nh t v i TSSL cho s n
- C. R i ro và TSSL t i a
- D. T t c u sai

----- H T -----